

Bản án số : 28/2020/DS-ST

Ngày 30/9/2020

V/v : “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HOÀ - TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hạ Tuấn, cán bộ hưu trí;

2. Ông Đặng Viết Côi, cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên Tòa :
Bà Nguyễn Thị Khuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 59/2020/TLST – DS ngày 17 tháng 6 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 19/2020/QĐXX-DSST ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số : 29/2020/QĐST-DSST ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Kiều Thị H, sinh năm 1965

Trú tại : Thôn X, xã Q,U, TP Hà Nội, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn : Ông Nguyễn Trọng Hoàn, luật sư thuộc văn phòng luật sư Song Hà, đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị H (Tên thường gọi là T, sinh năm 1965

Trú tại : Thôn H, xã T, U, TP Hà Nội, vắng mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

- Chị Cao Thị B, sinh năm 1973;

- Chị Cao Thị S, sinh năm 1975;

- Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1961;

- Anh Đỗ Xuân T, sinh năm 1972;

- Ông Cao Tất T, sinh năm 1964;

Đều trú tại : Thôn H, xã T, huyện U, Hà Nội;

- Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1984

Trú tại : Thôn T, xã H, huyện T, Hà Nội;

- Chị Tạ Thị D, sinh năm 1975

Trú tại : Thôn N, thị trấn V, huyện U, TP Hà Nội;

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959

Trú tại : Thôn X, xã Q, huyện U, TP Hà Nội

(Các ông, bà : B, S, M, T, T, H và chị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt; chị D, bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai - Nguyên đơn bà Kiều Thị H trình bày : Bà quen biết với các chị Cao Thị B và Cao Thị S ở thôn Hoa Đường, xã Trường Thịnh, Ứng Hòa, thông qua hai người này giới thiệu bà Vũ Thị H (Tức T) đến gia đình nhà bà để vay tiền nên bà đã cho bà H vay tiền làm 07 lần, tổng số tiền cho vay là 160.000.000đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), những lần vay đều có giấy biên nhận do bà Vũ Thị H (Tức T) viết và ký nhận, thời hạn vay có kỳ hạn theo các giấy biên nhận của từng thời điểm vay (Từ 10 ngày đến 1 tháng), với lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 1%/tháng. Cụ thể : Ngày 17/6/2019 (Âm lịch) bà H vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 30 ngày, trong giấy biên nhận bà H viết có nội dung là cầm tiền để chạy việc cho con trai bà, nhưng thực chất là không phải vậy mà bà H vay tiền để chi tiêu, lần vay này có chị Cao Thị B chứng kiến và ký vào giấy biên nhận; ngày 09/9/2019 (Âm lịch) bà H vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) thời hạn vay 10 ngày; ngày 29/9/2019 (Âm lịch) bà H vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), thời hạn vay là 20 ngày; ngày 12/10/2019 bà H vay số tiền 25.000.000đ (Hai mươi năm triệu), thời hạn vay 20 ngày; ngày 21/10/2019 (Âm lịch) bà H vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), thời hạn vay 20 ngày; ngày 30/8/2019 bà H vay 25.000.000đ (Hai mươi năm triệu đồng), thời hạn vay 10 ngày; ngày 21/10/2019 (Âm lịch) bà H vay số tiền 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng) thời hạn vay 10 ngày. Từ khi bà H vay tiền đến nay chưa trả được khoản tiền gốc lãi nào. Trong quá trình làm việc đối với 02 lần vay là các ngày 30/8/2019 và ngày 31/10/2019 và không thừa nhận nên bà xin rút chưa khởi kiện trong vụ án này. Nay bà yêu cầu bà Vũ Thị H phải trả bà 05 lần vay với tổng số tiền 120.000.000đ, về lãi suất bà chỉ yêu cầu bà H phải trả theo lãi suất ngân hàng hiện đang áp dụng là 0,8%/tháng (Tương đương 10%/năm), tuy thời điểm và thời hạn trả của những lần vay khác nhau nhưng bà chỉ yêu cầu trả lãi ở thời điểm của ngày vay tiền cuối cùng của những lần vay là ngày 21/10/2019. Ngoài việc cho bà H vay tiền thì vào các tháng 9, 10 của năm 2019 bà còn cho chị Cao Thị B vay số tiền 130.000.000đ và chị Cao Thị S vay 200.000.000đ hiện 02 người này đang trả nên bà không yêu cầu khởi kiện, việc chị S, chị B vay tiền bà là không liên quan gì đến việc bà

H vay tiền bà. Số tiền cho vay là tiền riêng của bà không phải tiền của gia đình bà nên chồng bà không có quyền lợi liên quan của vụ án này. Tại phiên tòa bà chỉ yêu cầu bà H phải trả tiền gốc, không yêu cầu phải trả lãi.

Các tài liệu chứng cứ bà nộp tại Tòa : Các giấy tờ về nhân thân; các giấy biên nhận vay tiền.

Tại các bản khai và Biên bản lấy lời khai – Bị đơn bà Vũ Thị H (Tức T) trình bày : Bà quen biết chị Tạ Thị D ở Ngõ Xá, thị trấn Vân Đình, năm 2019 chị D vay tiền của bà nên bà đã vay của chị Cao Thị S và Cao Thị B số tiền 200.000.000đ để đưa cho chị D, bà được biết số tiền này chị S và chị B đều vay của bà Kiều Thị H để đưa cho bà, sau đó chị D mua đất thiếu tiền lại nhờ bà nên bà đã gặp và vay của bà Kiều Thị H số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay là 10 ngày, khi vay bà là người viết giấy biên nhận và ký tên, lúc vay tiền chị Cao Thị B ở đó chứng kiến, làm chứng và cùng ký vào giấy biên nhận, bà nhận được tiền từ bà Hồng bà đã đưa cho chị D vay, khi vay tiền bà của Hồng hai bên có thỏa thuận miệng là 5.000đ/1triệu/1 ngày. Tổng số tiền bà đưa cho chị D vay là 250.000.000đ, số tiền lãi là do chị D trực tiếp trả bà H nên bà không biết chị D trả như thế nào. Bà H thừa nhận bà đã tự viết 07 giấy biên nhận vay tiền của bà Hồng các giấy này có nội dung như bà H trình bày ở trên là đúng. Tuy nhiên chỉ vay của bà Hồng 50.000.000đ còn lại là do bà H bắt bà phải viết, đó là tiền lãi chuyển thành tiền gốc (mà không phải bà trực tiếp vay tiền của bà H), những lần viết giấy trên đều được chị Sang và chị B chứng kiến. Nay bà có quan điểm bà đồng ý trả bà Hồng 50.000.000đ. Số tiền còn lại là 70.000.000đồng bà H kiện của 04 lần vay, số tiền này bà không được nhận tiền từ bà H nên bà không có nghĩa vụ trả bà H. Số tiền bà vay của bà H chồng bà không biết, ông liên quan gì đến ông M, bà có nghĩa vụ trả bà Kiều Thị H mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi thanh toán xong và không trả lãi.

Các tài liệu chứng cứ bà nộp tại Tòa : Các giấy tờ về nhân thân.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày :

- ***Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị Cao Thị B trình bày :*** Do quen biết với bà Kiều Thị H nên năm 2019 chị có vay của bà Hồng số tiền 130.000.000đồng, số tiền này chị vay chỉ tiêu riêng, chồng con chị không biết và không liên quan gì, hiện nay chị đang trả dần bà H. Ngoài ra, ngày 17/6/2019 (Âm lịch) chị có dẫn bà H đến nhà bà Kiều Thị H để vay tiền bà Hồng đã cho bà H vay số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay là 30 ngày, trong giấy biên nhận bà H viết có nội dung là cầm tiền để chạy việc cho con trai bà H, chị là người chứng kiến và ký vào giấy biên nhận này. Đối với những lần khác mà chị H vay tiền bà H ra sao hay bà H viết giấy biên nhận với bà H, việc bà H trả lãi bà H như thế nào chị đều không biết và không được chứng kiến. Nay chị có quan điểm số tiền chị vay bà H chị có trách nhiệm trả, chị không yêu cầu gì trong vụ án này. Số tiền chị H vay bà H chị H phải có trách nhiệm trả bà H theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ chị nộp tại Tòa : Các giấy tờ về nhân thân.

- **Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị Cao Thị S trình bày :** Do quen biết với bà Kiều Thị H nên bà có vay tiền của bà H 02 lần vào các ngày 26/7/2019 và 12/6/2019 tổng số tiền vay là 200 triệu đồng, sau khi vay được tiền bà lại đưa cho bà Vũ Thị H vay. Ngoài ra chị không được chứng kiến hay biết gì về việc vay mượn giữa bà H và bà H. Chị vay tiền của bà H gia đình chồng, con không biết gì. Số tiền này chị có trách nhiệm trả bà H, chị đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ chị nộp tại Tòa : Các giấy tờ về nhân thân.

- **Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị Tạ Thị D trình bày:** Vào khoảng tháng 7, 8 của năm 2019 chị có nhu cầu cần tiền và quen biết chị Vũ Thị Hương (Tâm) nên chị đã vay của chị Hương số tiền 200.000.000 đồng (Giữa hai bên vay mượn là không có giấy tờ gì), chị được biết số tiền này chị H vay của chị Cao Thị S để cho chị vay, chị S cũng đi vay của bà Kiều Thị H, giữa các bên cho nhau vay có giấy tờ gì không chị không biết. Về lãi suất chị được biết bà Hồng cho chị S vay là 5.000đ/1triệu/ ngày và chị cũng không biết các bên có giấy tờ gì hay không về khoản tiền lãi này, theo chị biết là chỉ có thỏa thuận miệng. Số tiền lãi hàng tháng của khoản tiền trên chị là người trả lãi, có lúc thì chị trực tiếp trả cho bà H, lúc chị đưa cho chị Cao Thị B trả cho bà H, những lần trả lãi theo chị bà H có ghi vào sổ sách, chị không có giấy tờ gì. Ngoài ra, ngày 13/9/2019 qua giới thiệu của chị Cao Thị Bình nên chị đã vay 30.000.000đ của bà Kiều Thị H, số tiền này bà H đã khởi kiện chị trong vụ án khác đang được Tòa giải quyết. Theo chị về vấn đề chị H viết giấy vay tiền của bà H là chị có biết nhưng chị không tham gia ký kết và không biết nội dung viết giấy là gì. Việc chị vay tiền cũng như trả lãi là tiền làm ăn của chị không liên quan gì đến gia đình. Chị đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ chị nộp tại Tòa : Các giấy tờ về nhân thân.

- **Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:** Chị là con gái bà Kiều Thị H, ngày 12/6/2019 chị Cao Thị S có đến gia đình nhà mẹ chị (Bà H) để vay tiền, do bà H vắng nhà nên có nhờ chị giao cho bà S vay số tiền 100.000.000đ, số tiền này là tiền của mẹ chị, chị chỉ là người đưa hộ lên không có liên quan gì, việc mẹ chị cho bà H (T) vay tiền như thế nào chị không biết, không liên quan. Chị đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật bảo vệ quyền lợi cho mẹ chị.

Các tài liệu chứng cứ chị nộp tại Tòa : Các giấy tờ về nhân thân.

- **Các ông : Đỗ Văn M (Chồng bà Vũ Thị H); Đỗ Xuân T (Chồng chị Cao Thị S); Cao Tất T (Chồng chị Cao Thị B) Nguyễn Văn H (Chồng bà Kiều Thị H) đều trình bày :** Vợ các ông vay tiền của bà Kiều Thị H là làm ăn riêng và giấu chồng con nên gia đình không biết, không có liên quan và đều có đơn xin được xét xử vắng mặt. Ngoài ra, ông Đỗ Xuân Trường còn trình bày thêm số tiền vợ ông

vay bà Hồng 200.000.000đ vợ chồng ông đã trả bà Hồng gần hết và tiếp tục trả cho đến khi hoàn thành khoản nợ. Việc tranh chấp giữa bà Kiều Thị H và Vũ Thị H không có liên quan gì đến các ông. Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật, không có yêu cầu gì khác. Ông Nguyễn Văn H trình bày : Việc bà H cho bà Hương vay tiền là ông không biết, không có liên quan, tại phiên tòa lại trình bày số tiền cho vay là tiền của vợ chồng, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ các ông nộp tại Tòa : Các giấy tờ về nhân thân.

Tại phiên tòa :

- Nguyên đơn bà Kiều Thị Hg có quan điểm : Đề nghị Tòa buộc chị Vũ Thị H (Tức T) phải trả bà số tiền bà cho vay là 120.000.000đồng tiền gốc bà tự nguyện không yêu cầu bà H phải trả lãi suất;

- Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn, ông H bổ sung ý kiến bà Hồng : Theo các tài liệu và chứng cứ đề nghị Tòa buộc bà Vũ Thị H phải trả bà Kiều Thị H số tiền 120.000.000đồng tiền gốc bà H cho vay;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên tòa kết luận:

+ Về tố tụng : Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng là đúng pháp luật. Người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung : Bà Kiều Thị H khởi kiện bà Vũ Thị H phải trả số tiền 120.000.000đ do bà H cho và H vay, bà H đã thừa nhận vay số tiền 50.000.000đ, số tiền còn lại 70.000.000đ bà H không thừa nhận đã viết giấy vay tiền bà H vì cho rằng đây là khoản tiền lãi bà Hồng chuyển thành tiền gốc nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh, vì vậy cần buộc bà H phải trả bà Hồng tổng số tiền 120.000.000đồng. Về lãi suất bà H trình bày bà cho bà Hương vay với lãi suất theo lãi suất ngân hàng 1%/tháng; bà H cho là lãi 5.000đ/1triệu/1ngày và bà cũng không phải là người trực tiếp trả lãi. Xem xét chứng cứ các giấy biên nhận đều không có thỏa thuận lãi, mà là các bên thỏa thuận miệng nay có tranh chấp về lãi thì đề nghị tòa căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để giải quyết. Tại phiên tòa bà Hồng không yêu cầu bà H phải trả lãi đề nghị Tòa chấp nhận. Về án phí bà Vũ Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và tố tụng :

1.1 Về Thẩm quyền : Nguyên đơn bà Kiều Thị Hồng đã nộp đơn cùng các tài liệu, chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn trú tại thôn Hoa Đường, xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội – Theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội.

1.2 Về những vấn đề tố tụng : Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là các ông, bà, anh Chị : Cao Thị B, Cao Thị S, Đỗ Văn M, Đỗ Xuân T, Cao Tất T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với chị Tạ Thị D trong quá trình thu thập chứng cứ đã không hợp tác và không đến Tòa để nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, phiên tòa ngày 14/9/2020 chị D và bị đơn vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa, đã giao và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay chị D, bà H vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 1,2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, phiên tòa hôm nay Tòa vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung :

2.1 Về phạm vi yêu cầu Khởi kiện : Nguyên đơn bà Kiều Thị H yêu cầu khởi kiện bà Vũ Thị H phải trả số tiền cho vay 07 lần tổng là 160.000.000đồng, sau đó bà không yêu cầu giải quyết số tiền 40.000.000đ của 02 lần vay vì chưa rõ ràng nên tổng số tiền còn lại bà yêu cầu giải quyết là 05 lần tổng số 120.000.000đồng. Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự.

2.2 Xét yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải trả số tiền gốc cho vay là 120.000.000đồng : Nguyên đơn bà Kiều Thị H đã xuất trình chứng cứ là 05 giấy biên nhận do bà H viết khi vay tiền, cụ thể : Ngày 17/6/2019 vay số tiền 50.000.000đồng, thời hạn vay là 30 ngày; ngày 09/9/2019 vay số tiền 15.000.000đồng, thời hạn vay 10 ngày; ngày 29/9/2019 vay số tiền 15.000.000đồng, thời hạn vay là 20 ngày; ngày 12/10/2019 vay số tiền 25.000.000đồng, thời hạn vay 20 ngày; ngày 21/10/2019 vay số tiền 15.000.000đồng, thời hạn vay 20 ngày (Các ngày trên đều là ngày âm lịch) các giấy biên nhận trên làm căn cứ cho việc vay mượn giữa 02 bên. Bị đơn bà Vũ Thị H thừa nhận đã viết 05 giấy biên nhận có nội dung nêu trên. Nhưng bà chỉ thừa nhận 01 lần vay tiền của bà H vào ngày 17/6/2019 vay số tiền 50.000.000đồng và viết giấy biên nhận có nội dung nhận tiền để chạy việc cho con bà H, nhưng thực chất là vay mượn, lần vay này có chị Cao Thị B chứng kiến ký vào giấy là người làm chứng. 04 lần còn lại với số tiền là 70.000.000đồng bà Hưởng cho rằng : Bà không vay bà H, không được nhận tiền từ bà Hồng mà là số tiền lãi của khoản tiền 200.000.000đồng bà vay của chị Cao Thị S và Cao Thị B (Bà được biết chị S và chị B vay số tiền của bà Kiều Thị H đưa cho bà), ngoài ra số tiền trên, số tiền 50.000.000đ bà vay bà H bà đều cho chị Tạ Thị D vay tổng cộng là 250.000.000đồng, do đó bà H đã ép, yêu cầu bà viết giấy biên nhận của là số tiền

lãi của khoản tiền 250.000.000đ nêu trên, khi bà H yêu cầu bà viết giấy có chị Sang, chị D, chị B chứng kiến. Tuy nhiên chị Cao Thị D và Cao Thị B trình bày : Chị D có vay của bà H 200.000.000đồng, chị B vay của bà H 130.000.000đồng cả 02 số tiền này đều đưa cho chị H vay và hiện tại các chị đang trả tiền cho bà H, ngoài ra các chị không chứng kiến và không biết gì về nội dung bà H vay tiền của bà H, còn chị Tạ Thị D cho rằng là người chứng kiến việc bà H yêu cầu bà Hương viết giấy như nội dung bà H đã nêu ở trên nhưng không có căn cứ gì để chứng minh. Theo sự trình bày của các đương sự và phân tích nêu trên, căn cứ quy định về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy bà H đưa ra yêu cầu và cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Bà H thừa nhận là người viết 05 giấy biên nhận có nội dung vay tiền bà H nhưng bà chỉ thừa nhận là vay 50.000.000đ mà không chấp nhận khoản tiền 70.000.000đ vì cho rằng đây là tiền lãi chuyển thành tiền gốc, ngoài lời trình bày của chị D là người làm chứng việc bà H yêu cầu bà H viết giấy thì không có chứng cứ để chứng minh, tuy nhiên, chị D cũng không căn cứ để chứng minh cho sự trình bày của mình. Đối với quan hệ vay mượn giữa bà Kiều Thị H với chị Cao Thị S và Cao Thị B các bên đều tự nguyện thỏa thuận để trả tiền, các đương sự không đề nghị giải quyết trong vụ án này nên không giải quyết.

2.3 Xem xét đến khoản khoản tiền lãi : Theo 05 giấy biên nhận thì không ghi lãi suất, nhưng các đương sự đều thừa nhận là hợp đồng vay có lãi (Lãi suất thỏa thuận miệng), nguyên đơn trình bày cho vay với lãi suất là 12%/năm cho đến nay chưa nhận được khoản tiền lãi nào của số tiền gốc nêu trên, bị đơn khai là vay số tiền 50.000.000đồng với lãi suất 5.000đồng/1triệu/1ngày và tổng số tiền 250.000.000đồng bà không phải trả lãi cho bà Hồng mà là chị Tạ Thị D có trách nhiệm trả lãi cho bà Hồng, chị D cho rằng chị là người trả tiền lãi cho bà H (Có thời điểm chị trực tiếp trả, nhiều khi nhờ chị B trả bà H) với lãi suất 5.000đồng/1triệu/1ngày. Tuy nhiên, chị B không thừa nhận. Xét thấy, tuy các bên không ghi lãi suất trong giấy biên nhận nhưng đều khẳng định là hợp đồng vay có lãi theo thỏa thuận miệng, đến nay có tranh chấp về lãi và không rõ lãi suất. Việc chị D cũng như bà H trình bày về mức lãi cũng như việc trả lãi là không có giấy tờ hay chứng cứ gì để chứng minh nên không có căn cứ được chấp nhận. Nay bà Hồng yêu cầu lãi suất 0,8%/tháng (tương đương 10%/năm) của khoản tiền vay, thời điểm trả lãi là ngày 21/10/2019 (Âm lịch) là ngày cuối cùng của 05 lần vay cho đến khi thanh toán xong số tiền gốc, không yêu cầu bị đơn phải trả lãi quá hạn. Tại phiên Tòa bà Kiều Thị H không yêu cầu bà Vũ Thị H phải trả tiền lãi mà chỉ yêu cầu trả số tiền gốc, xét thấy là tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận; bà Vũ Thị H không phải trả tiền lãi của số tiền gốc đã vay.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ : Bị đơn trình bày số tiền bà vay bà không cho chồng biết và cũng không đem về làm kinh tế gia đình nên không liên quan gì đến, chồng con, bản thân ông Mười cũng trình bày là không biết. Nguyên đơn và ông H

trình bày tiền cho vay là tài sản của vợ chồng, do đó cần buộc bà H trả bà H và ông H số tiền gốc là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Căn cứ vào các chứng cứ và sự phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị H. Buộc bà Vũ Thị H (Tức T phải có nghĩa vụ trả bà Kiều Thị H, ông Nguyễn Văn H số tiền gốc là 120.000.000 đồng.

[5] **Về án phí :** Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch trên số tiền nợ đồng cụ thể : 120.000.000đồng x 5% = 6.000.000 đồng. Bà Kiều Thị H không phải chi án phí nên được hoàn lại số tiền 4.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009718 ngày 17/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, Hà Nội.

[6] **Về quyền kháng cáo :** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa, kiểm sát viên tham gia phiên Tòa đã nhận xét về thủ tục tố tụng Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án đã phân tích, đánh giá toàn diện chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào : Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ; các Điều 463, 466, 357, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị H.
2. Buộc bà Vũ Thị H (Tức T) phải có nghĩa vụ trả bà Kiều Thị H và ông Nguyễn Văn H số tiền gốc đã vay là 120.000.000đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*).
3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Về án phí:

- Bà Vũ Thị H phải chịu 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Kiều Thị H được hoàn lại số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009718 ngày 17/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối đương sự có mặt, kể từ ngày bản án được giao hợp lệ hoặc niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi thường trú đối với đương sự vắng mặt ./.

Nơi nhận :

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Ứng Hòa;
- Các đương sự;
- Niêm yết tại UBND các xã: Trường Thịnh và thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa; xã Hồng Dương, Thanh Oai, TP Hà Nội;
- Lưu : Hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Trung